

Số: 2636/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các quận, huyện
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh
doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều
kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức
quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh
nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an
toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn;*



am

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 1498/TTr-BQLATTP ngày 30 tháng 11 năm 2023.



Handwritten mark or signature.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố bộ thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- Trung tâm thông tin dịch vụ công;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KSTT, BQLATTP.

**Lê Trung Chinh**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND QUẬN, HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Phần I

**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND QUẬN, HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng		
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	1.002425	Sửa đổi, bổ sung
II	Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương	2.000591	Sửa đổi, bổ sung
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương	2.000535	Sửa đổi, bổ sung
III	Lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm và thủy sản		
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827	Giữ nguyên
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận hết hạn)	2.001823	Giữ nguyên
6	Thủ tục xác nhận Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1.009945 (TTHC đặc thù)	Giữ nguyên

Phần II

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND QUẬN, HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp quận, huyện vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển Phòng Y tế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Y tế kiểm tra hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Phòng Y tế có thông báo bằng văn bản gửi cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

Bước 3: Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thì Phòng Y tế thành lập đoàn thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo mẫu quy định.

Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Phòng Y tế cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Trường hợp kết quả thẩm định chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày.

Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định. Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Trường hợp kết quả khắc phục không đạt yêu cầu thì Phòng Y tế thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể

hiện sự thay đổi đó đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Bước 4: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận Giấy chứng nhận từ Phòng Y tế và giao cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp quận, huyện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở kinh doanh;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

- Danh sách người kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 20 ngày

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Y tế

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Mẫu số 03 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định không đạt cho cơ sở và cơ quan quản lý địa phương.

i) Phí:

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/07/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 90% mức phí quy định tại biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm tại

Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

- *Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 630.000 đồng/lần/cơ sở*

- *Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 900.000 đồng/lần/cơ sở*

Từ ngày 01/01/2024, mức phí áp dụng thực hiện thu theo mức quy định tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 hoặc tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư 44/2023/TT-BTC (nếu có).

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau: Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm; Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;*

- Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

- Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định

phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ghi chú: Các nội dung phí, lệ phí được in nghiêng sửa đổi theo Quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi :.....

Họ và tên chủ cơ sở:

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:

.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng thực phẩm...):.....

.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên & ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng)

Trong thời hạn 05 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chuyên môn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, phòng chuyên môn có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hồ sơ không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

Bước 3: Thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở.

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do phòng chuyên môn ban hành quyết định thành lập.

Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở: kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận nộp phòng chuyên môn với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở: kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm.

+ Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị.

+ Trường hợp kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, phòng chuyên môn thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt” thì cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 ;

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc bản sao giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 hoặc 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 05a ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020.

i) Phí:

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Đối với cơ sở sản xuất: 500.000 đồng/lần/cơ sở

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/07/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 90% mức phí quy định tại biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Đối với cơ sở sản xuất: 450.000 đồng/lần/cơ sở

Từ ngày 01/01/2024, mức phí áp dụng thực hiện thu theo mức quy định tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 hoặc tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư 44/2023/TT-BTC (nếu có).

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 và 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;*

- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ghi chú: Các nội dung phí, lệ phí được in nghiêng sửa đổi theo Quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Mẫu số 01a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh^{1,2}
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
(tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

(1) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2) : Danh sách nhóm sản phẩm

Mẫu số 02a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn
thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại:.....Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ cơ sở:
3. Số điện thoại:..... Fax:.....
Email:.....

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng... năm ... của	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

...(tên đơn vị xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

...., ngày.....tháng năm

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/ đóng dấu)

Mẫu 02.

Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (Đối với tập thể)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH DOANH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc....

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng năm.....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/đóng dấu)

Mẫu số 05a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**PHÒNG KINH TẾ/KINH TẾ HẠ TẦNG QUẬN/HUYỆN...
CHỨNG NHẬN**

CƠ SỞ:
LOẠI HÌNH SẢN XUẤT⁽¹⁾:
CHỦ CƠ SỞ:
ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT:
ĐIỆN THOẠI: **Fax:**

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Số cấp...../GCNATTP- ATTP
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm sản xuất

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng)

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, phòng chuyên môn xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, phòng chuyên môn xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, phòng chuyên môn xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất;

+Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 ;

+Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc bản sao giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 và 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc bản sao giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt” (trong 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 05a ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020.

i) Phí:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: không có
- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Đối với cơ sở sản xuất: 500.000 đồng/lần/cơ sở

+ *Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/07/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 90% mức phí quy định tại biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Đối với cơ sở sản xuất: 450.000 đồng/lần/cơ sở.*

Từ ngày 01/01/2024, mức phí áp dụng thực hiện thu theo mức quy định tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 hoặc tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư 44/2023/TT-BTC (nếu có).

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất: không có

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất: không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 hoặc Mẫu 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương.
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;
- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;*
- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ghi chú: Các nội dung phí, lệ phí được in nghiêng sửa đổi theo Quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Mẫu số 01b

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi:

Tên cơ sởđề nghị quý cơ quan cấp lại
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp
.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020):.....

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn
thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại:..... Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ cơ sở:
3. Số điện thoại:..... Fax:.....
Email:.....

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng... năm ... của	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

...(tên đơn vị xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng năm

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/ đóng dấu)

Mẫu 02.

Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (Đối với tập thể)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH DOANH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT ngày tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc....

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng năm.....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/đóng dấu)

Mẫu số 05a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**PHÒNG KINH TẾ/KINH TẾ HẠ TẦNG QUẬN.....
CHỨNG NHẬN**

CƠ SỞ:

LOẠI HÌNH SẢN XUẤT⁽¹⁾:

CHỦ CƠ SỞ:

ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT:

DIỆN THOẠI: **Fax:**

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Số cấp...../GCNATTP- ATTP
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm sản xuất

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển Phòng chuyên môn (phòng Kinh tế hoặc phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng)

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng chuyên môn tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở theo quy định;

Các thành phần hồ sơ sau có thể gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký hợp tác xã;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và có đăng ký ngành nghề sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

i) Phí:

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/lần/cơ sở

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 của Quốc hội.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Phụ lục IV
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
PHÒNG KINH TẾ / PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ *Establishment:*

Mã số/ *Approval number:*

Địa chỉ/ *Address:*

Điện thoại/ *Tel:*

Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ *Number:* / XXXX/ NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày tháng năm / *Valid until (date/month/year)*

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số: cấp ngày tháng năm
and replaces The Certificate N° issued on (day/month/year)

....., ngày tháng năm
, *day/month/year*

TRƯỞNG PHÒNG
 (ký tên, đóng dấu)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

(*): Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận hết hạn)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn (phòng Kinh tế hoặc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng)

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở theo quy định.

Các thành phần hồ sơ sau có thể gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký hợp tác xã;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và có đăng ký ngành nghề sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

i) Phí:

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/lần/cơ sở.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 của Quốc hội.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy

sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Phụ lục IV
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
PHÒNG KINH TẾ / PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ *Establishment:*

Mã số/ *Approval number:*

Địa chỉ/ *Address:*

Điện thoại/ *Tel:*

Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.

2.

3.

Số cấp/ *Number:* / XXXX/ NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày tháng năm / *Valid until (date/month/year)*

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số: cấp ngày tháng năm
and replaces The Certificate N°..... issued on (day/month/year)

....., ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG

(ký tên, đóng dấu)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

(): Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại*

6. Thủ tục xác nhận Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND quận, huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu.

- Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chuyển Phòng kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý, xác nhận vào bản cam kết.

- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giao kết quả cho công dân, tổ chức.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp qua đường bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ: Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 03 ngày

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 22/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, bao gồm:

- Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 1 mét trở lên;
- Sơ chế nhỏ lẻ;
- Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;
- Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.

Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

i) Lệ phí: không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

PHỤ LỤC I**MẪU BẢN CAM KẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM AN TOÀN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BẢN CAM KẾT**sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn**

Kính gửi: (tên cơ quan quản lý)

Tôi là:

Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: , Fax: E-mail

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Nơi tiêu thụ sản phẩm:

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt

Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản

Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định

Sơ chế nhỏ lẻ

Kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận

bản cam kết

(Ký tên, đóng dấu)

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh

(Ký, ghi rõ họ tên)